TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 275/2018/DS – PT
Ngày: 19/10/2018
V/v " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hóp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các thẩm phán: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Ông Huỳnh Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Sương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Võ Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 193/2018/TLPT- DS ngày 10 tháng 10 năm 2018 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 69/2017/DS – ST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 219/2018/QĐPT-DS ngày 17 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967

Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1968

Cùng trú tại: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Văn P1, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:*

1.Ông Trần Thanh Đ, sinh năm 1963;

2. Bà Võ Thị C, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: ông Trần Nhật Long H, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông NLQ1, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Ông NLQ2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Bà NLQ3, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: ấp A, xã X, huyện H, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* bị đơn bà Võ Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn P1 trình bày:

Từ năm 2012 đến tháng 06/2014, vợ chồng ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H có cho bà Võ Thị C và ông Trần Thanh Đ vay tiền, góp hụi còn nợ gồm:

- Tiền vay:

Ngày 07/5/2013 âm lịch vay 86.500.000 đồng (bà C nhận tiền);

Ngày 12/05/2013 âm lịch vay 15.000.000 đồng (bà C nhận tiền);

Từ tháng 01/2014 âm lịch đến tháng 06/2014 âm lịch bà C mượn để đóng hụi, đóng lãi 19.046.000 đồng.

Ngày 25/12/2013 âm lịch ông Đ và bà C vay 40.000.000 đồng, ngày 27/02/2015 âm lịch trả 20.000.000 đồng còn nợ 20.000.000 đồng.

Tiền nợ cũ trước đây còn lại tính tháng 01/2014 đến ngày 30/6/2014 âm lịch số tiền 28.300.000 đồng (ông Đ, bà C nhận tiền).

Tổng cộng: 168.846.000 đồng.

Khi cho vay vợ chồng ông P trực tiếp giao tiền, ông Đ, bà C nhận tiền vay không thời hạn, khi nào cần thì lấy lại, vợ chồng ông P đã đòi nhiều lần nhưng bị đơn không trả, lãi suất 2% tháng, mục đích vay là trang trải kinh tế gia đình.

Tuy nhiên, nguyên đơn rút yêu cầu đối với số tiền vay là 19.046.000 đồng và 28.300.000 đồng, chỉ yêu cầu bà C, ông Đ trả 121.500.000 đồng.

- Tiền hụi:

Vợ chồng ông P làm đầu thảo, bà C chơi lấy tên ông Đ có tham gia 13 dây hụi gồm:

+ Dây 1: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 20/2/2013 âm lịch, gồm 20 phần bà C tham gia 01 phần, hốt lần thứ 3 (20/5/2013) thăm khui 850.000 đồng hốt được 41.900.000 đồng, đóng được 16 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 04 lần số tiền 12.000.000 đồng.

+ Dây 2: Hụi 500.000 đồng, khui ngày 15/12/2012 âm lịch gồm 20 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 1 (15/12/2012), thăm khui 190.000 đồng, hốt được 5.330.000 đồng, đóng được 18 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 02 lần chưa đóng số tiền 1.000.000 đồng.

+ Dây 3: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2012 âm lịch, gồm 24 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 14 (15/12/2014), thăm khui 205.000 đồng, hốt được 18.195.000 đồng, đóng được 18 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 06 lần chưa đóng tiền số tiền 6.000.000 đồng.

+ Dây 4: Hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 10/7/2013 âm lịch gồm 21 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 02 (10/8/2013), thăm khui 980.000 đồng, hốt được 49.880.000 đồng, đóng được 11 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 10 lần chưa đóng tiền số tiền 30.000.000 đồng.

+ Dây 5: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2013 âm lịch gồm 19 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 01 (10/01/2013), thăm khui 355.000 đồng, hốt được 11.110.000 đồng, đóng được 17 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 02 lần chưa đóng tiền số tiền 2.000.000 đồng.

+ Dây 6: Hụi 500.000 đồng, khui ngày 05/10/2013 âm lịch gồm 22 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 02 (05/11/2013), thăm khui 182.000 đồng, hốt được 6.610.000 đồng, đóng được 08 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 14 lần chưa đóng tiền số tiền 7.000.000 đồng.

+ Dây 7: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 05/09/2013 âm lịch gồm 16 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 01 (05/9/2013), thăm khui 615.000 đồng, hốt được 19.775.000 đồng và mượn một phần hụi tên Ngọc hốt lần thứ 6 (05/02/2014) thăm khui 420.000 đóng được 24.800.000 đồng đóng được 09 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 07 lần chưa đóng x 2 phần = 28.000.000 đồng.

+ Dây 8: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 30/12/2013 âm lịch gồm 22 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 02 (30/01/2014), thăm khui 312.000 đồng, hốt được 14.260.000 đồng, đóng được 06 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 16 lần chưa đóng tiền số tiền 16.000.000 đồng.

+ Dây 9: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/7/2013 âm lịch gồm 20 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 02 (20/8/2013), thăm khui 330.000 đồng, hốt

được 11.560.000 đồng và mượn một phần hụi tên P hốt lần thứ 3 (20/9/2013) thăm khui 240.000 hốt được 14.936.000 đồng, đóng được 11 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 09 lần chưa đóng x 2 phần = 18.000.000 đồng.

+ Dây 10: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2013 âm lịch gồm 19 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 02 đóng được 17 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 02 lần chưa đóng số tiền 2.000.000 đồng.

+ Dây 11: Hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/4/2013 âm lịch gồm 16 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 06 (10/10/2013) thăm khui 216.000 đồng, hốt được 15.450.000 đồng đóng được 14 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 02 lần chưa đóng số tiền 4.000.000 đồng.

+ Dây 12: Hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2014 âm lịch gồm 18 phần, bà C tham gia 01 phần và hốt lần thứ 2 (25/6/2014) thăm khui 1.100.000 đồng, hốt được 67.600.000 đồng đóng được 03 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 15 lần chưa đóng số tiền 75.000.000 đồng.

+ Dây 13: Hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 05/9/2012 âm lịch gồm 23 phần, bà C tham gia 02 phần và hốt lần thứ 6 (05/2/2013) thăm khui 367.000 đồng, hốt được 15.161.000 đồng và hốt lần thứ 7 (05/3/2013) thăm khui 367.000 đồng, hốt được 15.628.000 đồng đóng được 21 lần hụi chết (06/2014 âm lịch), còn nợ 02 lần chưa đóng x 2 phần = 4.000.000 đồng.

Việc trong đơn khởi kiện nguyên đơn ghi đóng được các lần hụi chết là bao gồm cả lần hụi sống khi chưa hốt hụi, lần hốt hụi và lần hụi chết tới hạn mà bị đơn đã đóng hụi.

Tổng cộng bị đơn còn thiếu là 205.000.000 đồng tiền hụi. Nguyên đơn rút yêu cầu đối với 14.000.000 đồng tiền hụi của dây hụi thứ 7 là dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/9/2013 âm lịch (phần hụi tên Ngọc). Nay nguyên đơn chỉ yêu cầu trả số tiền 191.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Ông P, bà H yêu cầu Toà án xem xét buộc ông Đ và bà C liên đới trách nhiệm trả cho ông P, bà H số tiền vay 121.500.000 đồng và tiền hụi 191.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Võ Thị C, ông Trần Thanh Đ và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Nhật Long H trình bày:

- Đối với tiền vay:

Bà C có vay tiền của vợ chồng P nhiều lần đến ngày 07/5/2013 âm lịch bà C viết biên nhận nợ số tiền 86.500.000 đồng, ngày 12/05/2013 âm lịch số tiền 15.000.000 đồng, ký tên bà C. Số tiền này bà C đã trả rồi vào ngày 19/12/2013 dương lịch, lúc đó bà C bán đất nên trả tiền cho vợ chồng P. Khi trả số tiền là

165.500.000 đồng bao gồm vốn là 101.500.000 đồng còn lại là tiền lãi. Khi trả không viết giấy tờ vì lúc đó vợ chồng P đi gom hụi, bà C kêu trả luôn, P không đem sổ nợ theo nên không có gạt nợ trong sổ. Số nợ này được viết trong cuốn tập chỉ một mình bà ký tên, vợ chồng P không đồng ý bắt vợ chồng bà C phải viết lại biên nhận khác trong sổ đen và lúc viết lại có nói về gạt biên nhận trong tập. Số tiền này trả rồi, không đồng ý trả theo yêu cầu của vợ chồng P.

Ngày 25/12/2013 âm lịch vợ chồng bà C có vay 40.000.000 đồng, ngày 27/02/2015 âm lịch trả 20.000.000 đồng còn nợ 20.000.000 đồng, số tiền này vợ chồng bà C đồng ý trả.

Nay vợ chồng bà C đồng ý trả cho vợ chồng P, bà H số tiền 20.000.000 đồng tiền vay.

-Tiền hụi:

Bà C chỉ có chơi dây hụi thứ 6 (theo lời đại diện nguyên đơn), còn nợ 14 lần chưa đóng tiền số tiền 7.000.000 đồng, số tiền này bà C còn nợ nên đồng ý trả cho vợ chồng P, H. Dây thứ 10 (theo lời đại diện nguyên đơn) còn nợ 02 lần chưa đóng số tiền 2.000.000 đồng, số tiền này bà C còn nợ nên đồng ý trả cho vợ chồng P, H. Dây 2 (theo lời đại diện nguyên đơn), bà C đồng ý trả 1.000.000 đồng. Dây 3 (theo lời đại diện nguyên đơn), con bà C NLQ2 chơi, bà chỉ đóng hụi dùm. Nay bà C thừa nhận có chơi và bà C đồng ý trả 6.000.000 đồng;

Đối với hai dây hụi là: Dây 4 (theo lời đại diện nguyên đơn) thì bà chơi dùm NLQ3 và đã đóng hụi đến mãn hụi, nếu hốt hụi chót là 60.000.000 đồng sau khi trừ hoa hồng cho chủ hụi 1.500.000 đồng còn 58.500.000 đồng, nay bà có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn, yêu cầu bà H, ông P trả cho bà 57.000.000 đồng, không tính lãi. Dây 12 (theo lời đại diện nguyên đơn), bà C có chơi dùm NLQ1 và đóng hụi sống được 13 lần hụi sống.

Tất cả các dây hụi còn lại bà C không có chơi, bà C không biết. Nay bà C chỉ đồng ý trả số tiền hụi chết còn thiếu là 16.000.000 đồng.

Ông Đ không có chơi hụi của vợ chồng P, H. Bà C lấy tên ông Đ chơi hay không ông Đ không biết. Nay ông Đ đồng ý liên đới cùng bà C trả số tiền hụi chết còn thiếu là 16.000.000 đồng.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà NLQ3 trình bày:

Dây 4 (theo lời đại diện nguyên đơn) hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 10/7/2013 âm lịch gồm 21 phần thì do bà chơi, bà C không có chơi. Trước đây, bà có nhờ bà C chơi dùm và đóng hụi dùm, nay bà không có yêu cầu gì đối với nguyên đơn cũng như bà C. Nếu có yêu cầu bà sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ2 trình bày:

+ Dây 2 (theo lời đại diện nguyên đơn) hụi 500.000 đồng, khui ngày 15/12/2012 âm lịch gồm 20 phần thì trước đây ông trực tiếp chơi và gửi bà C đóng, hiện nay còn nợ 1.000.000 đồng, ông sẽ trả cho nguyên đơn.

+ Dây 3 (theo lời đại diện nguyên đơn) hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2012 âm lịch gồm 20 phần thì trước đây ông trực tiếp chơi và gửi bà C đóng, hiện nay còn nợ 6.000.000 đồng, ông sẽ trả cho nguyên đơn.

Theo án sơ thẩm và các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 trình bày:

+ Dây 12 (theo lời đại diện nguyên đơn) hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2014 âm lịch ông trực tiếp chơi nhờ bà C đóng hụi dùm được 13 lần. Trước đây, ông có yêu cầu nguyên đơn trả cho ông số tiền hụi nguyên đơn thiếu là 65.000.000 đồng nhưng sau đó ông đã có đơn xin rút yêu cầu.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đưa vụ án ra xét xử, tại Bản án số 69/2017/DSST ngày 15 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã tuyên:

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 463, 466, 471, 688 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 47.346.000 (bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng tiền vay và 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền hụi của dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/9/2013 âm lịch.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông NLQ1 yêu cầu bà H, ông P trả số tiền hụi là 65.000.000 đồng của dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/3/2014 âm lịch.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị C và ông Trần Thanh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P là 121.500.000 (một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng tiền vay và 121.000.000 (một trăm hai mươi mốt triệu) đồng tiền hụi, không tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng tiền hụi.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Võ Thị C về việc yêu cầu bà H, ông P trả 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng tiền hụi.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02/10/2017 bà Võ Thị C có đơn kháng cáo. Theo đơn kháng cáo bà Võ Thị C yêu cầu sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà trả tiền ở dây hụi số 04 với số tiền 30.000.000 đồng và dây hụi số 12 là 75.000.000 đồng. Đồng thời chấp nhận yêu cầu phản tố của bà buộc nguyên đơn trả cho bà số tiền 57.000.000 đồng ở đây hụi số 4, vì dây hụi này là hụi sống bà chưa hốt.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Thanh Đ, bà Võ Thị C là ông Trần Nhật Long H tự nguyện rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 57.000.000 đồng của dây hụi số 04 chưa hốt, đối với những phần khác của đơn kháng cáo vẫn giữ nguyên.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm nên không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu cho rằng: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn tự nguyện rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 57.000.000 đồng ở dây hụi số 04, đây là sự nguyện của bị đơn nên đề nghị ghi nhận. Đối với kháng cáo của bà Võ Thị C không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000 đồng ở dây hụi số 04 và số tiền 75.000.000 đồng ở dây hụi số 12, thấy rằng nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bị đơn đã hốt hai phần hụi này nên kháng cáo của bị đơn là có căn cứ. Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa Bản án sơ thẩm số 69/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng ở dây hụi số 04 và số tiền 75.000.000 đồng ở dây hụi số 12. Ghi nhận bị đơn tự nguyện rút yêu cầu phản tố đối với số tiền 57.000.000 đồng ở đây hụi số 04. Các phần khác của Bản án sơ thẩm được giữ nguyên.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét kháng cáo của bà Võ Thị C và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P là ông Nguyễn Văn P1 vắng mặt, dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn P1.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Trần Nhật Long H tự nguyện rút yêu cầu phản tố đối với yêu cầu nguyên đơn trả cho bị đơn số tiền 57.000.000 đồng ở dây hụi số 04. Thấy rằng yêu cầu này của bị đơn là tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2] Đối với số tiền vay là 19.046.000 đồng, số tiền 28.300.000 đồng và số tiền hụi là 14.000.000 đồng của dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/9/2103 âm lịch nguyên đơn đã rút yêu cầu nên bản án sơ thẩm đã đình chỉ phần này là có căn cứ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 rút yêu cầu độc lập đối với yêu cầu nguyên đơn hoàn trả số tiền hụi 65.000.000 đồng của dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/3/2014 âm lịch nên bản án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu độc lập này là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với số tiền vay này nên đã phát sinh hiệu lực.

[3] Đối với số tiền vay nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 121.500.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, bao gồm số tiền 86.500.000 đồng vay ngày 07/5/2013 âm lịch, số tiền 15.000.000 đồng vay ngày 12/5/2013 âm lịch và 20 triệu đồng vay ngày 25/12/2013 âm lịch (vay 40 triệu, đã trả 20 triệu, còn nợ 20.000.000 đồng).

Thấy rằng, đối với số tiền vay 40.000.000 đồng vào ngày 25/12/2013 âm lịch, nguyên đơn cho rằng bị đơn đã trả được 20.000.000 đồng, còn nợ 20.000.000 đồng yêu cầu bị đơn trả, bị đơn đồng ý nên ghi nhận.

Đối với số tiền vay 86.500.000 đồng vào ngày 07/5/2013 và số tiền 15.000.000 đồng vào ngày 12/5/2013 âm lịch, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền trên, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là giấy không tiêu đề có nội dung "tôi Võ Thị C có mượn của vợ chồng 2 P 86.500.000 đ, ngày 07/5/2013, ngày 12/5 5000000, 10.000.000 đồng". Phía bị đơn thừa nhận chữ viết của giấy không tiêu đề này là của bà C và cũng thừa nhận có vay của nguyên đơn số tiền trên. Tuy nhiên bị đơn cho rằng bị đơn đã trả xong vào ngày 19/12/2013 âm lịch với tổng số tiền 165.500.000 đồng, nhưng nguyên đơn không thừa nhận và cho rằng số tiền này bị đơn trả cho khoản nợ khác và bị đơn cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả số tiền vay là 121.500.000 đồng là có căn cứ. Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với số tiền vay này nên đã phát sinh hiệu lực.

[4] Đối với số tiền hụi:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả 13 dây hụi còn nợ với tổng số tiền là 191.000.000 đồng.

Thấy rằng đối với các dây hụi số 2 (hụi 500.000 đồng, khui ngày 15/12/2012 âm lịch, gồm 20 phần), dây hụi số 3 (hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 15/12/2012 âm lịch, gồm 24 phần), dây hụi số 6 (hụi 500.000 đồng, khui ngày 05/10/2013 âm lịch, gồm 22 phần), dây số 10 (hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2013 âm lịch, gồm 19 phần), nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 16.000.000 đồng, bị đơn thừa nhận có tham gia và đồng ý trả.

Đối với các dây hụi: dây số 1 (hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 20/2/2013 âm lịch, gồm 20 phần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 12.000.000 đồng); dây số 5 (hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 10/01/2013 âm lịch, gồm 19 phần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 2.000.000 đồng); Dây 7 (hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 05/09/2013 âm lịch gồm 16 phần nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 14.000.000 đồng); Dây 8 (hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 30/12/2013 âm lịch gồm 22 phần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 16.000.000 đồng); Dây 9 (hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 20/7/2013 âm lịch gồm 20 phần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 18.000.000 đồng); dây số 11 (hụi 2.000.000 đồng, khui ngày 15/4/2013 âm lịch gồm 16 phần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 4.000.000 đồng); dây 13 (hụi 1.000.000 đồng, khui ngày 05/09/2012 âm lịch gồm 23 phần, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 4.000.000 đồng). Tổng cộng các dây hụi này nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 70.000.000 đồng. Thấy rằng, bị đơn không thừa nhận có tham gia chơi các dây hụi này, chứng cứ nguyên đơn cung cấp là danh sách hụi viên và xác nhận của người làm chứng nhưng danh sách hụi viên đều là bản photo không có công chứng chứng thực nên không thể xác định là chứng cứ, đối với lời khai của người làm chứng không khách quan nên bản án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với các dây hụi này với số tiền 70.000.000 đồng là có căn cứ.

[5] Xét kháng cáo của bà C không đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền số tiền 30.000.000 đồng ở dây hụi số 04 và 75.000.000 đồng ở dây hụi số 12.

Dây hụi số 04 (hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 10/7/2013 âm lịch gồm 21 phần), phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn thiếu là 30.000.000 đồng, phía bị đơn thừa nhận có tham gia chơi dây hụi này và đã đóng được 20 phần hụi sống, nếu hốt hụi chót là 60.000.000 đồng, sau khi trừ hoa hồng cho chủ hụi 1.500.000 đồng còn số tiền 58.500.000 đồng, bị đơn có đơn phản tố yêu cầu nguyên đơn trả số tiền 57.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn tự nguyện rút yêu cầu phản tố, nên được chấp nhận.

Đối với phần kháng cáo còn lại, thấy rằng với sự thừa nhận của nguyên đơn và bị đơn có căn cứ cho rằng bị đơn có tham gia chơi dây hụi số 4 hụi 3.000.000 đồng, khui ngày 10/7/2013 âm lịch gồm 21 phần. Theo nguyên đơn cho rằng bị đơn hốt vào lần thứ 2 (ngày 10/8/2013), thăm khui 480.000 đồng, hốt được 49.880.000 đồng, đóng được 11 lần hụi chết (tháng 6 năm 2014 âm lịch), bị đơn còn nợ 10 lần chưa đóng với số tiền 30.000.000 đồng, nhưng lời trình bày của nguyên đơn không được sự thừa nhận của bị đơn. Nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bị đơn đã hốt phần hụi ở dây hụi số 4 với số tiền 49.880.000 đồng. Đồng thời, dây hụi số 12 (hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 25/3/2014 âm lịch gồm 18 phần), nguyên đơn khởi kiện cho rằng bà C đã hốt được 67.600.000 đồng, đóng được 03 lần hụi chết, còn nợ 15 lần chưa đóng nên yêu cầu bị đơn trả số tiền 75.000.000 đồng, phía bị đơn cũng không thừa nhận. Nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bà C đã hốt hụi với số tiền 67.600.000 đồng.

Theo Điều 9 nghị định 144/NĐ-CP Nghị định của Chính phủ quy định về họ, hụi, bêu, phường thì chủ hụi phải có nghĩa vụ lập và giữ sổ hụi, trong sổ hụi phải có chữ ký hoặc điểm chỉ của các thành viên khi góp hụi và lĩnh hụi. Như vậy, đối với hai dây hụi này nguyên đơn không cung cấp được chứng cứ để chứng minh bị đơn còn nợ tiền hụi 105.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc đị đơn trả số tiền 105.000.000 đồng của hai dây hụi số 4 và 12 là không có căn cứ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà C, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền 105.000.000 đồng của hai dây hụi số 4 và 12.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà C, ông Đ phải liên đới chịu án phí với số tiền: (121.500.000 đồng + 16.000.000 đồng) x 5% = 6.875.000 đồng;

Bà H, ông P phải liên đới chịu án phí với số tiền: (70.000.000 đồng âm lịch + 30.000.000.000 đồng + 75.000.000 đồng) x 5% = 8.750.000 đồng;

[7] Do kháng cáo được chấp nhận nên bà Võ Thị C không phải chịu án phí phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị C;

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/DS-ST ngày 15/9/2017 của Toà án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam;

Áp dụng Điều 463, 466, 471, 688 Bộ luật dân sự năm 2015, điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định 144 ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 47.346.000 (bốn mươi bảy triệu ba trăm bốn mươi sáu ngàn) đồng tiền vay và 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng tiền hụi của dây hụi 2.000.000 đồng khui ngày 05/9/2013 âm lịch.

Đình chỉ yêu cầu độc lập của ông NLQ1 yêu cầu bà H, ông P trả số tiền hụi là 65.000.000 đồng của dây hụi 5.000.000 đồng khui ngày 25/3/2014 âm lịch.

Đình chỉ yêu cầu phản tố của bà Võ Thị C về việc yêu cầu bà H, ông P trả số tiền 57.000.000 (năm mươi bảy triệu) đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Võ Thị C và ông Trần Thanh Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P là 121.500.000 (Một trăm hai mươi mốt triệu năm trăm nghìn) đồng tiền vay và 16.000.000 đồng (mười sáu triệu đồng) tiền hụi, không tính lãi.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với yêu cầu buộc bị đơn trả số tiền 175.000.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng tiền hụi.

Buộc bà Võ Thị C, ông Trần Thanh Đ có trách nhiệm liên đới trả cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn P số tiền 137.500.000 đồng (một trăm ba mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà C, ông Đ phải liên đới chịu án phí với số tiền 6.875.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.425.000 đồng theo biên lai thu số 0003203 ngày 28/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Bà C, ông Đ còn phải nộp tiếp số tiền 5.450.000 đồng (năm triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Bà H, ông P phải liên đới chịu án phí với số tiền là 8.750.000 đồng nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 9.346.000 đồng theo biên lai thu số 0019454 ngày 20/5/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Mỏ Cày Nam có trách nhiệm hoàn lại cho bà H, ông P số tiền 754.000 đồng (bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng);

Hoàn trả cho ông NLQ1 số tiền tạm ứng án phí là 1.625.000 đồng (một triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003204 ngày 28/9/2016 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre;

Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị C không phải chịu, hoàn lại cho bà Võ Thị C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011629 ngày 02/10/2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre(1b);
- TAND huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam (1b);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Vp(3b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Hương